

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-PT
Ngày 13 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp;
Ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn Th (Lò Văn H), về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

*** Các bị cáo bị kháng nghị:**

1. **Quàng Văn T** sinh năm 19xx tại xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn N và bà Cà Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lò Văn Th**, tên gọi khác: Lò Văn H; sinh ngày 16/3/19xx tại xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Th và bà Cà Thị L; Tiền án: Tại bản án số 56/2017/HSST ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã xử phạt Lò Văn Th 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài

sản”, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T:** Bà Cẩm Kim Loan, là Trợ giúp viên pháp lý - Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Lành Văn K; Địa chỉ: bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.
- Cà Thị L; Địa chỉ: bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Lò Văn T1; Địa chỉ: bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- Tòng Thị M; Địa chỉ: bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 27/9/2019, tại tiểu khu 2, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, Công an huyện Mường La phát hiện và bắt quả tang Quàng Văn T và Lò Văn Th, đang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm 01 gói được gói bằng giấy trắng bên trong có chứa 02 cục bột màu trắng, do Quàng Văn T tự giác lấy trong túi quần bên trái đang mặc giao nộp (T và Th đều khai là Heroine cất giữ nhằm mục đích để sử dụng chung); 01 điện thoại di động nhãn hiệu GOLYD1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL; 01 chiếc xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu HONDA loại BLADE, biển kiểm soát 26L1 - 042.21.

Kết quả xác định khối lượng vật chứng và lấy mẫu gửi giám định với 02 cục bột màu trắng thu giữ của T và Th có tổng khối lượng 0,11 gam, đồng thời gửi làm mẫu giám định chất ma túy ký hiệu TT.

Tại Kết luận giám định số: 1536/KLGD ngày 03/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “*Mẫu ký hiệu TT là chất ma túy, loại chất Heroine, khối lượng giám định là 0,11 gam. Tổng khối lượng là 0,11 gam Heroine*”.

Quá trình điều tra Quàng Văn T và Lò Văn Th khai nhận: Tối ngày 26/9/2019 Quàng Văn T đến ở nhà Lò Văn Th, sáng hôm sau ngày 27/9/2019 có Lò Văn T1 (trú tại bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La) gọi điện thoại nhờ Quàng Văn T tìm mua hộ 400.000, đồng Heroine, Quàng Văn T nhờ Lò Văn Th mượn được xe máy của anh Lành Văn K ở bản bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Quàng Văn T chở Lò Văn Th đi, trên đường đi nói cho Lò Văn Th biết việc Lò Văn T1 nhờ mua ma túy hộ. Hai người đến nhà Lò Văn T1, Quàng Văn T

được Lò Văn T1 đưa cho 400.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Quảng Văn T bảo Lò Văn Th và Lò Văn T1 ở nhà chờ, một mình T đi mua ma túy. Trên đường đi đến đầu cầu bản Ta Mo, xã Mường Bú, Quảng Văn T nhận được điện thoại của Tòng Thị M, trú tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La nhờ mua hộ ma túy. Quảng Văn T đi xe máy đến cầu Nậm Pàn gặp Tòng Thị M, được Tòng Thị M đưa cho 400.000, đồng. Hai người đèo nhau đến ngã ba bản Giàn, xã Mường Bú. Tòng Thị M xuống xe chờ, còn Quảng Văn T đến nhà người tên là Tấn ở bản Giàn, xã Mường Bú mua được 02 gói Heroine. Quảng Văn T đón Tòng Thị M cả hai đến nhà Lò Văn T1. Đến nhà Lò Văn T1, Quảng Văn T lấy 02 gói Heroine ra và cắt mỗi gói một ít, nói là công đi mua, phần còn lại Quảng Văn T đưa cho Lò Văn T1 và Tòng Thị M mỗi người một gói. Quảng Văn T gói số Heroine bằng giấy trắng cất vào túi quần bên trái và nói với Lò Văn Th để hai người mang về cùng sử dụng. Sau đó Lò Văn T1 đem ma túy ra sử dụng cùng Quảng Văn T và Lò Văn Th (đốt hít). Còn Tòng Thị M tự mang ma túy của mình ra sử dụng, khi sử dụng Lò Văn T1 không biết. Sau khi sử dụng ma túy xong Quảng Văn T và Lò Văn Th đi xe máy về, đến khu vực tiểu khu 2, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang cùng vật chứng.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T, phạm tội phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo Quảng Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 27/9/2019).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác Lò Văn H) phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác Lò Văn H) 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 27/9/2019). Không phạt bổ sung - Phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ -VKS-P7 ngày 26 tháng 03 năm 2020 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS - ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm theo hướng xử hủy bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS - ST ngày 26 tháng 02 năm 2020

của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, để điều tra lại theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, tội danh và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử; về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, các bị cáo đều không nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Người làm chứng Lò Văn T1 và Tòng Thị M đều khai: Sau khi Quàng Văn T mua được ma túy đem về nhà Lò Văn T1, trước khi giao ma túy cho T1 và M thì T đã tự trích rút từ hai gói ma túy mua cho T1 và M mỗi gói một phần và nói là công đi mua, khi đó T1 và M không có ý kiến gì. Khi sử dụng ma túy tại nhà T1, M không nói và không xin phép T1, M tự ý sử dụng còn T và Th khi đó cũng đang sử dụng ma túy cùng với T1 nên không biết có nhìn thấy M sử dụng ma túy hay không.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La kết luận: Hành vi của Quàng Văn T, Lò Văn Th phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy chứ không phải tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bởi lẽ:

Đối với bị cáo Quàng Văn T đã 02 lần nhận tiền của T1 và 01 nhận tiền của M để đi mua ma túy giúp T1 và M, sau khi mua được ma túy T đều được trả công và hưởng lợi bằng ma túy (trong đó có 0,11 gam Heroine T, Th được trả công và bị thu giữ khi bắt quả tang).

Đối với bị cáo Lò Văn Th, sau khi T nói cho Th biết việc T1 nhờ đi mua ma túy, Th tiếp nhận ý chí cùng T đến nhà T1 nhận tiền và đồng ý cho T sử dụng xe máy do Th mượn để đi mua ma túy, sau khi T mua được ma túy, Th chứng kiến việc T trích ma túy từ hai gói đã mua cho T1, M và được T nói đem số ma túy đó về sử dụng chung thì Th đồng ý. Do đó, Viện kiểm sát xác định Quàng Văn T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy cho 03 lượt người để hưởng lợi bằng ma túy nên T phạm tội với tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS “*phạm tội từ hai lần trở lên*” và Lò Văn Th phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm với T thuộc khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với các đối tượng Lò Văn T1 và Tòng Thị M là người nhờ T đi mua ma túy và sau khi T mua được ma túy, trước mặt T1 và M, T đã trích ma túy từ hai gói đã mua cho T1 và M, số 0,11 gam Heroine của T và Th là vật chứng của vụ án. Như vậy T1 và M có liên quan trực tiếp đến hành vi cất giữ 0,11 gam Heroine của bị cáo T và bị cáo Th, đây là tình tiết cần được điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, sau khi có ma túy, T1 đã cho T, Th cùng sử dụng chất ma túy tại nhà ở của mình. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng minh T1

là “*người nghiện ma túy*”, đề từ đó xem xét trách nhiệm đối với Lò Văn T1 là chưa đầy đủ. Mặt khác, theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 đã sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007. Trong đó tại Điều 3 của Thông tư liên tịch số 08/2015 đã bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm d tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT. Do đó, hành vi Lò Văn T1 cho Quảng Văn T và Lò Văn Th sử dụng ma túy tại nhà của T1 nêu trên đã phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà không phụ thuộc vào yếu tố T1 có phải người nghiện hay không nghiện ma túy.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm số 04/2020/HS - ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, để điều tra lại theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T: Hành vi của Quảng Văn T và Lò Văn Th không cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và việc hủy án để điều tra bổ sung như Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã nhận định, vì các lý do: Như Luận cứ bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T mà Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đã gửi Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Quảng Văn T và Lò Văn Th đều không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có quyết định kháng nghị số 04/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La. Xét thấy kháng nghị của viện kiểm sát tỉnh Sơn La trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Quảng Văn T và Lò Văn Th đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 24/9/2019 Quảng Văn T đã nhận của Lò Văn T1 200.000 đồng để đi mua ma túy cho T1, sau đó đã được T1 cho ma túy để sử dụng; Ngày 27/9/2019

Quàng Văn T đã nhận của Lò Văn T1 và Tòng Thị M mỗi người 400.000 đồng để mua ma túy giúp T1 và M (trong đó việc nhận tiền để đi mua ma túy cho T1 có Th cùng tham gia). Sau khi mua được ma túy T đem về nhà T1, trước khi đưa ma túy cho T1 và M, T chủ động trích lấy một phần ma túy từ hai gói ma túy đã mua cho T1, M và nói là công mua, T1 và M nhìn thấy nhưng không có phản ứng gì, T có nói với Th sẽ đem về sử dụng chung, Th đồng ý. Tại nhà T1, T và Th đã được T1 cho sử dụng chung số ma túy đã mua được. Sau khi sử dụng xong ma túy T và Th đi về, trên đường về T và Th đã bị tổ công tác Công an huyện Mường La phát hiện bắt quả tang, bị thu giữ vật chứng là số ma túy có khối lượng 0,11 gam (nguồn gốc số ma túy thu giữ khi bắt quả tang T và Th là do T trích từ gói ma túy đã mua cho T1 và M). Do đó các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

[3.1] Về hành vi của Lò Văn T1 cho Quàng Văn T, Lò Văn Th ma túy và sử dụng tại nhà của T1:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nêu: Ngoài lời khai của Lò Văn T1 là bản thân nghiện chất ma túy và Biên bản thử chất ma túy do Công an huyện Mường La thực hiện đối với Lò Văn T1 ngày 28/9/2019 (sau khi bắt quả tang T, Th một ngày, xác định T1 có dương tính với que thử ma túy) thì không có chứng cứ chứng minh T1 là người nghiện ma túy. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Lò Văn T1 và Biên bản thử ma túy đối với T1, thì trong hồ sơ vụ án có thể hiện các tài liệu khác như: Biên bản xác minh do Công an huyện Mường La lập ngày 11/10/2019 với trưởng Công an xã Mường Bú xác định: “Lò Văn T1 là đối tượng nghiện chất ma túy, là đối tượng thuộc diện quản lý của Công an xã” (bút lục 181); Giấy xác nhận số 06/GXN-TYTX ngày 15/9/2019 của Trạm trưởng Trạm y tế xã Mường Bú xác nhận: “*Lò Văn T1 hiện đang tham gia chương trình điều trị cai nghiện ma túy bằng thuốc Methadone, thời gian T1 tham gia uống Methadone từ ngày 03/8/2019 đến nay*” (bút lục 289). Tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát xác định tài liệu “Giấy xác nhận của Trạm y tế xã” đối với Lò Văn T1 được bổ sung sau khi có quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nên tài liệu này không hợp lệ, tuy nhiên tài liệu trên phù hợp với kết quả xác minh với Công an xã Mường Bú, huyện Mường La về nhân thân đối tượng Lò Văn T1 và các tài liệu được khắc phục và bổ sung đối với Lò Văn T1 và Tòng Thị M nên được xem xét là chứng cứ chứng minh về nhân thân của T1 tại cấp phúc thẩm. Do đó đủ căn cứ xác định Lò Văn T1 là “*người nghiện ma túy*” và đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại địa phương.

Đối chiếu với Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007:

Tại điểm a tiểu mục 6.2 mục 6 phần II quy định: “**Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma hoặc tội sử dụng trái phép chất ma túy**”;

Tại mục b điểm 7.3, khoản 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, quy định: “**Người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy...**”;

Quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Sơn La cho rằng: Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT - BCA - VKSNDTC - TANDTC - BTP, ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đã sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT - BCA - VKSNDTC - TANDTC - BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong đó tại Điều 3 của Thông tư liên tịch số 08/2015 quy định “*Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT*”. Do đó hành vi nêu trên của Lò Văn T1 đã phạm vào tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại điểm đ khoản 2 Mục II Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định (Nghị quyết 02): “*Người nào nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*”; Mặc dù Thông tư 08 đã bãi bỏ quy định về nội dung được quy định tại Thông tư 17 như trên, nhưng Nghị quyết 02 vẫn còn giá trị pháp lý. Mặt khác, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 quy định về thẩm quyền ban hành, nội dung quy phạm pháp luật như sau:

Điều 21 quy định: “*Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành, nghị quyết để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử thông qua tổng kết việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử*”;

Điều 25 quy định: “*Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và*

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành thông tư liên tịch để quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng”. Do đó, trong vụ án này cần nghiên cứu vận dụng theo hướng dẫn của Nghị quyết 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Lò Văn T1 là đối tượng nghiện chất ma túy, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lò Văn T1 về hành vi cho Quảng Văn T, Lò Văn Th ma túy và sử dụng ma túy tại nhà của T1 là có căn cứ, mặt khác số ma túy T1 nhờ T đi mua T1 đã sử dụng hết nên không có cơ sở để xử lý T1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Do nội dung này đã được khắc phục bổ sung tại cấp phúc thẩm, nên không chấp nhận nội dung kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát.

[3.2] Đối với hành vi cất giữ 0,11 gam Heroine của Quảng Văn T và Lò Văn Th: Số ma túy T trích từ hai gói đã mua cho T1 và M bị thu giữ khi bắt quả tang có khối lượng là 0,11 gam, nhưng không có cơ sở để tách riêng và xác định được khối lượng chất ma túy cụ thể của T1 và M, mặt khác ngoài các chứng cứ cấp sơ thẩm đã đánh giá thì tại cấp phúc thẩm đã được bổ sung chứng cứ về nhân thân của Lò Văn T1 và Tòng Thị M thể hiện T1, M chưa bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và không có tiền án (do đã được xóa án tích). Do đó cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để xử lý đối với Lò Văn T1 và Tòng Thị M về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với số ma túy trên là có cơ sở.

[3.3] Về tội danh đối với các bị cáo: Đối với Quảng Văn T đã 02 lần nhận tiền của Lò Văn T1 và 01 lần nhận tiền của Tòng Thị M để đi mua ma túy cho T1, M và sau khi mua được ma túy, trước mặt T1 và M, T đã chủ động trích rút lại từ gói Heroine đã mua một phần Heroine và nói là công đi mua, T1 và M đều không có ý kiến gì, đã thể hiện sự mặc nhiên đồng ý, cùng lúc đó T nói với Th là đem về sử dụng chung, động cơ mục đích của T khi được T1 và M nhờ đi mua ma túy là để được hưởng lợi về ma túy, việc trích rút lại ma túy của T đối với số ma túy mua hộ T1, M đã thể hiện giữa những người này có sự trao đổi trả công cho nhau bằng ma túy, do đó quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La thì hành vi nêu trên của Quảng Văn T, Lò Văn Th đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xét thấy, theo quy định tại mục d điểm 3.3, khoản 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999 (hiện nay chưa có văn bản khác thay thế), thì Mua bán trái phép chất ma túy là một trong các hành vi sau: “a,;

d) Dùng chất ma túy nhằm trao đổi, thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc ma túy do đâu mà có) ”.

Nội dung hướng dẫn nêu trên đã thể hiện việc dùng chất ma túy (thay cho tiền) nhằm trao đổi, thanh toán trái phép (mua hàng hóa rồi dùng chất ma túy để trả thay vì trả tiền) hoặc dùng tài sản không phải là tiền nhằm đem trao đổi, thanh toán ... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác mới thuộc trường hợp Mua bán trái phép chất ma túy.

Trong vụ án các đối tượng Lò Văn T1, Tòng Thị M và bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn Th đều là người nghiện ma túy, trong đó T1, M là người nhờ T đi mua ma túy, T đi mua giúp ma túy cho T1, M với mục đích cùng được sử dụng. Sau khi mua được ma túy, trước mặt T1 và M, T tự ý chia và giữ lại một phần để T, Th sử dụng, mặc dù T1, M nhìn thấy nhưng không có phản ứng gì. Xét giữa các đối tượng không có trao đổi thỏa thuận trước về việc trả công và thực tế mỗi lần mua ma túy giúp T1, T1 và T, Th đều chia nhau và sử dụng chung. Do đó hành vi của T, Th không thuộc trường hợp Mua bán trái phép chất ma túy như hướng dẫn nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Quàng Văn T và Lò Văn Th về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

[3.4] Về nội dung kháng nghị bổ sung tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La xác định cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

- Không có biên bản giao nhận Kết luận điều tra cho các bị can: Tại cấp phúc thẩm tài liệu này đã được cơ quan điều tra Công an huyện Mường La đã bổ sung;

- Hồ sơ thể hiện có Công văn số 17/CV-TA của Tòa án nhân dân huyện Mường La về việc đề nghị chuyển tội danh truy tố đối với các bị cáo T và Th từ tội Mua bán trái phép chất ma túy sang tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối chiếu với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La gửi cho Phòng - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La thì các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn Th bị truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng hồ sơ vụ án không có Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội danh của hai bản cáo trạng khác nhau. Về nội dung này Kiểm sát viên cấp sơ thẩm đã có báo cáo giải trình do nhầm lẫn sai sót trong việc ban hành Cáo trạng (về tội danh) nên sau khi có văn bản của Tòa án, qua trao đổi Tòa án nhân dân huyện Mường La đã nhất trí để Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La khắc phục thiếu sót rút cáo trạng đã ban hành và thay thế bằng bản Cáo trạng khác mà không làm thủ tục rút quyết định truy tố cũ rồi ban hành quyết định mới thay thế. Xét thấy các tài liệu tố tụng từ giai đoạn bắt tạm giữ, tạm giam các bị cáo đến khi ban hành kết luận điều tra và cáo trạng truy tố có trong hồ sơ vụ án đều

thể hiện hành vi của các bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, kết quả điều tra phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn Th phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tuy thủ tục tố tụng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La nêu có vi phạm, nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, do đó không cần thiết phải hủy án sơ thẩm về nội dung này.

- Hồ sơ thể hiện có giấy xác nhận của Trạm y tế xã Mường Bú, huyện Mường La đối với Lò Văn T1 là đối tượng nghiện chất ma túy đang tham gia chương trình cai nghiện ma túy bằng thuốc Methadone (hiện nay Lò Văn T1 đang cai nghiện ma túy theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 41/QĐ-TA ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La với thời gian 22 tháng), nhưng tài liệu này được bổ sung sau khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có Quyết định kháng nghị và việc đưa tài liệu nêu trên vào hồ sơ vụ án không đúng trình tự quy định. Tại cấp phúc thẩm đã bổ sung thêm tài liệu chứng cứ và chứng cứ này có nội dung đồng nhất với văn bản nêu trên, nên cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, xét không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS - ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí: Do vụ án bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La kháng nghị nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm 02/QĐ - VKS, ngày 26 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS - ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T, phạm tội phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo Quàng Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác Lò Văn H) phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác Lò Văn H) 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019.

Không phạt bổ sung - Phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Các bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2020)/.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện MườngLa;
- VKSND huyện MườngLa;
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh